

**ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN**

(Đề thi có 2 trang)

GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027**MÔN: VẬT LÝ - LỚP 10***Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian phát đề**Phát hành ngày 15/09/2026*

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề: L10.GK1.013**TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Đồ thị vận tốc – thời gian của một vật gồm hai đoạn: từ (0 s; 4 m/s) tới (5 s; 14 m/s), rồi giữ nguyên vận tốc 14 m/s thêm 6 s nữa. Độ dịch chuyển của vật trong cả hai giai đoạn bằng

- A. 45 m B. 84 m C. 129 m D. 154 m

Câu 2. Để thay khối khí thật bằng khí lí tưởng để lập phương trình trạng thái, người ta dùng phương pháp nào?

- A. Phương pháp mô hình B. Phương pháp thực nghiệm
C. Phương pháp thống kê xã hội học D. Không cần phương pháp nào, chỉ cần suy đoán

Câu 3. Trường hợp nào sau đây vật không được coi là chất điểm?

- A. Xét chuyển động của một ô tô chạy từ Hà Nội vào Huế.
B. Xét chuyển động của một con tàu vũ trụ bay tới Sao Hoả.
C. Xét chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.
D. Xét chuyển động quay của Trái Đất quanh trục của nó.

Câu 4. Trên đồ thị độ dịch chuyển – thời gian, độ dốc của đồ thị cho biết

- A. quãng đường vật đi được. B. vận tốc của vật.
C. độ cao của địa hình mà vật đang đi qua. D. gia tốc của vật.

Câu 5. Khi thấy biển báo hình tròn nền xanh có kính bảo hộ, học sinh phải làm gì?

- A. Bắt buộc đeo kính bảo hộ khi làm việc ở khu vực này.
B. Ngắt nguồn điện ngay rồi báo giáo viên.
C. Báo giáo viên, không dùng tay trần gom thủy ngân.
D. Rót từ từ axit vào nước, không làm ngược lại.

Câu 6. Thả rơi tự do một viên bi từ trạng thái nghỉ, lấy $g = 10 \text{ m/s}^2$. Sau 4 s rơi, vận tốc của nó bằng

- A. 80 m/s B. 40 m/s C. 160 m/s D. 10 m/s

Câu 7. Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Vận tốc trung bình là đại lượng vectơ, bằng độ dịch chuyển chia cho thời gian.
B. Vận tốc trung bình luôn bằng tốc độ trung bình.
C. Vận tốc của một vật là như nhau trong mọi hệ quy chiếu.
D. Tốc độ trung bình có thể âm khi vật đi ngược chiều dương.

Câu 8. Một người đi thẳng 68 m theo chiều dương, rồi quay lại đi thêm 73 m theo chiều ngược lại. Quãng đường người ấy đi được bằng

- A. 5 m B. 68 m C. 141 m D. 73 m

Câu 9. Vật rơi tự do được quãng đường 0,42 m trong 0,3 s. Gia tốc rơi tự do đo được bằng (làm tròn đến hàng phần trăm).

- A. 1,4 m/s² B. 2,8 m/s² C. 4,67 m/s² D. 9,33 m/s²

Câu 10. Một cảm biến dịch chuyển có thể vừa **lệch điểm không** vừa **sai hệ số thang đo**: trong miền làm việc, số chỉ thị và chiều dài thật liên hệ với nhau bởi $r = aL + b$ ($a > 0$, b đều chưa biết). Kỹ thuật viên đo lặp ba lần mỗi đối tượng:

Dãy đo	Số chỉ thị (mm)
Chuẩn 0 (không tải): r_0	0,12 0,12 0,13
Chuẩn chiều dài L_S : r_S	39,07 39,07 39,08
Chi tiết cần kiểm: r_X	24,03 24,03 24,05

Chuẩn chiều dài có $L_S = 41$ mm (sai số của chuẩn nhỏ hơn mức hiển thị, bỏ qua). Độ chia nhỏ nhất của cảm biến là $\delta = 0,01$ mm. **Quy ước lập khoảng chỉ thị.** Với mỗi dãy, lấy c là giá trị trung bình, Δ bằng **độ lệch tuyệt đối trung bình cộng nửa độ chia** khoảng chỉ thị là $[c - \Delta; c + \Delta]$. Ba khoảng của ba dãy coi là độc lập. **Quy ước báo cáo và nghiệm thu.** Hai cận của khoảng L_X được làm tròn **hướng ra ngoài** đến 0,01 mm (cận dưới làm tròn xuống, cận trên làm tròn lên). Chỉ tiết chỉ được công nhận **đạt** khi **toàn bộ** khoảng ấy nằm trong dung sai $[25,1; 25,25]$ mm. Báo cáo nào đúng?

- A. $L_X \in [25,2; 25,25]$ mm — **đạt** dung sai B. $L_X \in [25,17; 25,18]$ mm — **đạt** dung sai
 C. $L_X \in [25,15; 25,19]$ mm — **đạt** dung sai D. $L_X \in [25,14; 25,2]$ mm — **đạt** dung sai